TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **18**/2024/QĐST- DS	

Phước Long, ngày 17 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST- DS ngày 26 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Xuân H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Xuân H là ông Phan Văn T, sinh năm 1991.

Đia chỉ: Thôn K, xã N, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

**Bị đơn*: Ông Lê T1, sinh năm 1972 và bà Trần Thị B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H tổng số tiền là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng), phương thức trả cụ thể như sau:

- Ngày 10/6/2024 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/7/2024 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/8/2024 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/9/2024 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/10/2024 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/11/2024 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/12/2024 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/01/2025 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/02/2025 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/3/2025 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/4/2025 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/5/2025 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/6/2025 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/7/2025 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/8/2025 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/9/2025 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/10/2025 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/11/2025 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/12/2025 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/01/2026 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/02/2026 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/3/2026 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/4/2026 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/5/2026 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/6/2026 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/7/2026 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/8/2026 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 10/9/2026 ông Lê T1 và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền là 20.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật nếu ông T1 bà B vi phạm một trong những thời hạn và phương thức trả nêu trên thì bà H có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền còn nợ lại cho bà H.

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị Xuân H có đơn yêu cầu thi hành án bà Trần Thị B và ông Lê T1 vẫn chưa trả số tiền trên thì ngoài số tiền chậm trả, hàng tháng ông Lê T1 và bà Trần Thị B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B và ông Lê T1 phải liên đới chịu số tiền là 22.500.000 (Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) đồng án phí dân sự có giá ngạch. Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Xuân H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.450.000 đồng theo biên lai thu số 0003xxx ngày 26/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát thị xã Phước Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt